

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/HS-PT

Ngày 14/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Vũ Minh Tuấn.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1082/2022/TLPT-HS ngày 05/11/2022, đối với bị cáo A bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 387/2022/HS-ST ngày 19/9/2022.

Bị cáo A, sinh năm 1980; giới tính: Nam; quốc tịch: B; Số hộ chiếu: BT0604798, cấp ngày 29/05/2018 tại B; NĐKHKT và chỗ ở: 512 N Road, Sholakia, Sadar, K; nơi cư trú tại Việt Nam: Thôn 2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; tôn giáo: đạo Hồi; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: M và con bà R (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 27/10/2021, tạm giam từ ngày 30/10/2021; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người phiên dịch** cho bị cáo: Ông **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1956; trú tại: Số 35, ngõ 80 phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; Có mặt khi khai mạc phiên tòa, nhưng xin vắng mặt khi Hội đồng xét xử giải quyết vụ án (vì vắng mặt bị cáo).

- **Bị hại có kháng cáo:** Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1973; trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt khi khai mạc phiên tòa; vắng mặt khi Hội đồng xét xử giải quyết vụ án (không có lý do).

- Bi hai không kháng cáo:

1. Chị **Nguyễn Thị Hồng Ng**, sinh năm 1995; trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt khi khai mạc phiên tòa; vắng mặt khi Hội đồng xét xử giải quyết vụ án.

2. Anh **Chu Đức C**, sinh năm 1982; trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 10, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1980; trú tại : Tổ 10, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông **Nguyễn Anh T1**, sinh năm 1975; trú tại : Tổ 10, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1983; trú tại: Thôn M, xã Th, huyện Th, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Anh **Nguyễn Sơn H**, sinh năm 1986; trú tại: 15/95/81/62 phố V, phường S, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

8. Anh **Phạm Văn C2**, sinh năm 1987; trú tại: 514/26 khu phố Q, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo A, nhập cảnh vào Việt Nam và tạm trú tại số 2/12 ngõ 34 đường Á, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội từ ngày 11/9/2018. Quá trình sinh sống tại Việt Nam, A có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Hồng Ng; đến tháng 6/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

Trong thời gian sống tại Việt Nam với chị Nguyễn Thị Hồng Ng, bị cáo A đã đưa ra thông tin gian dối về việc gia đình bị cáo có Công ty sản xuất, đóng gói thực phẩm ở Canada là Akhavanfood, địa chỉ tại số 6170 Sh, QC H4B 1L8, Canada, đang cần tuyển lao động là người Việt Nam; bị cáo có thể giúp làm thủ tục để đưa người Việt Nam sang Canada làm việc và du lịch. Bằng thủ đoạn nêu trên, A đã lừa đảo chiếm đoạt của 8 bị hại số tiền **841.124.880** đồng.

Ngày 28/11/2019, bà Nguyễn Thị Ánh T (là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Hồng Ng) đã đứng ra trả lại cho những người nộp tiền trước đó, mỗi người số tiền 30.000.000 đồng, gồm anh Nguyễn Anh T, chị Lê Thị L, ông Nguyễn Anh T1, anh Nguyễn Anh T2, anh Nguyễn Văn C1, anh Phạm Văn C2, anh Chu Đức C, anh Nguyễn Sơn H, tổng cộng là 240.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị hại đề nghị xử lý bị cáo A theo quy định của pháp luật, đồng thời, yêu cầu bị cáo A hoàn trả: chị Nguyễn Thị Hồng Ng yêu cầu hoàn trả 10.000.000 đồng; anh Chu Đức C đề nghị hoàn trả 57.000.000 đồng; vợ chồng anh Nguyễn Anh T, chị Lê Thị L đề nghị hoàn trả 134.536.000 đồng; ông

Nguyễn Anh T1 đề nghị hoàn trả 70.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn C1 đề nghị hoàn trả 50.949.180 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh T đề nghị hoàn trả 339.000.000 đồng (bao gồm 99.000.000 đồng mà bà đã đưa cho A thông qua chị Ng và 240.000.000 đồng bà đứng ra trả cho các bị hại); Anh Nguyễn Sơn H yêu cầu hoàn trả 98.000.000 đồng; anh Phạm Văn C2 yêu cầu hoàn trả 100.000.000 đồng (bao gồm 56.000.000 đồng tiền bị cáo A chưa trả và 44.000.000 đồng tiền chi phí đi lại những lần anh C2 ra Hà Nội để giải quyết vụ việc).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 387/2022/HS-ST ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 37; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo A 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2021; trục xuất bị cáo A ra khỏi lãnh thổ Việt Nam sau khi thi hành xong án phạt tù.

Buộc bị cáo A phải trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Ng số tiền 10.000.000 đồng; anh Chu Đức C số tiền 57.000.000 đồng; anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị L số tiền 134.536.000 đồng; ông Nguyễn Anh T1 số tiền 70.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn C1 số tiền 50.949.180 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 339.000.000 đồng; anh Nguyễn Sơn H số tiền 98.000.000 đồng; anh Phạm Văn C2 số tiền 56.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2022, bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần dân sự; buộc bị cáo A phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại; buộc anh Chu Đức C, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Anh T1, anh Nguyễn Văn C1, anh Phạm Văn C2 và anh Nguyễn Sơn H, mỗi người phải nộp lại 30.000.000 đồng để trả lại cho bà (số tiền bà đã ứng trả trước cho các bị hại thay cho bị cáo A).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt vì đã chuyển trại để thi hành án; bị hại Nguyễn Thị Ánh T và bị hại Nguyễn Thị Hồng Ng có mặt khi khai mạc phiên tòa nhưng không có mặt tại phòng xử án khi Hội đồng xét xử giải quyết vụ án; các bị hại không kháng cáo vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: bị hại kháng cáo và những người liên quan đến kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

Về Nội dung: việc bà Nguyễn Thị Ánh T đã đứng ra trả cho các bị hại số tiền là 240.000.000 đồng là tự nguyện. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận việc này và buộc bị cáo A phải hoàn trả lại cho bà T khoản tiền mà bà đã trả thay là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bà T là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại kháng cáo và những người liên quan đến kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; trong đó, bà Nguyễn Thị Ánh T có mặt khi khai mạc phiên tòa nhưng không có mặt tại phòng xử án khi Hội đồng xét xử giải quyết vụ án, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo A, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 13 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Các quyết định của bản án sơ thẩm về phân hình sự không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T, Hội đồng xét xử thấy rằng trình bày của bà về việc bà đã đứng ra trả cho 8 người bị hại với tổng số tiền 240.000.000 đồng, là một phần số tiền mà bị cáo A đã chiếm đoạt của các bị hại là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, việc bà trả khoản tiền này cho các bị hại là tự nguyện vì bà nghĩ A đã lừa dối những người họ hàng của bà. Như vậy, đây là trường hợp “Thực hiện công việc không có ủy quyền” và theo quy định tại Chương XVIII Bộ luật Dân sự (từ Điều 574 đến Điều 578) thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận việc bà đã thực nghĩa vụ thay cho bị cáo A; đồng thời buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho bà khoản tiền bà đã trả cho các bị hại là đúng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Ánh T, giữ nguyên quyết định về phân dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 387/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo A phải trả cho các bị hại như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Hồng Ng số tiền 10.000.000 đồng;
2. Anh Chu Đức C số tiền 57.000.000 đồng;
3. Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị L số tiền 134.536.000 đồng;
4. Ông Nguyễn Anh T1 số tiền 70.600.000 đồng;
5. Anh Nguyễn Văn C1 số tiền 50.949.180 đồng;
6. Bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 339.000.000 đồng;
7. Anh Nguyễn Sơn H số tiền 98.000.000 đồng;
8. Anh Phạm Văn C2 số tiền 56.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001132 ngày 25/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đã ký

Vũ Thị Thu Hà

Vũ Minh Tuấn

Chu Thành Quang